

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-11-2025

"V/v Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Diện
Ông Phạm Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2025; về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1975; Căn cước công dân số: 002075004594, cấp ngày: 25/06/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1976; Căn cước công dân số: 002176004558, cấp ngày: 25/06/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; có mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn X, xã B, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T1, về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 tại thôn X xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay là xã B, tỉnh Tuyên Quang) và có với nhau hai người con chung là cháu Hoàng Văn V, sinh ngày 06/11/1995 và cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 11/11/1997 nhưng do vợ chồng anh không hiểu biết pháp luật nên không đi đăng ký kết hôn tại (Ủy ban nhân dân xã

Y cũng như Ủy ban nhân dân xã B, trước khi sáp nhập) theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc với nhau được khoảng 25 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình; việc mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên đến năm 2021 anh T xin đi làm Công ty và vợ chồng anh đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy anh làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T1 theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là chị Nguyễn Thị T1 trình bày: Chị T1 xác nhận về thời gian, địa điểm, quan hệ hôn nhân như lời trình bày của anh Hoàng Văn T là đúng. Do vợ chồng chị không hiểu biết pháp luật nên không đi đăng ký kết hôn tại (Ủy ban nhân dân xã Y cũng như Ủy ban nhân dân xã B, trước khi sáp nhập) theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc với nhau được khoảng 25 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình; việc mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên đến năm 2021 anh T xin đi làm công ty và vợ chồng chị đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa; nay anh T làm đơn ra tòa xin ly hôn với chị quan điểm của chị là hoàn toàn nhất trí ly hôn để hai bên giải phóng cho nhau.

Về con chung: Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị T1 đều khai nhận quá trình chung sống anh chị có hai con chung là cháu Hoàng Văn V, sinh ngày 06/11/1995 và cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 11/11/1997. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và phát triển bình thường; vì vậy khi ly hôn anh T, chị T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Hoàng Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn chị Nguyễn Thị T1, tại phiên tòa chị T1 cũng hoàn toàn nhất trí ly hôn; về con chung: Anh T, chị T1 đều xác nhận vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Hoàng Văn V, sinh ngày 06/11/1995 và cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 11/11/1997, hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và phát triển bình thường; vì vậy khi ly hôn anh T, chị T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh T, chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị T1; Việc nuôi con: Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị T1 có hai con chung là cháu Hoàng Văn V, sinh ngày 06/11/1995 và cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 11/11/1997, hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và phát triển bình thường; vì vậy khi ly hôn không đề cập giải quyết; Về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị T1 không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết; về án phí, anh Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do anh Hoàng Văn T có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025. Bị đơn chị Nguyễn Thị T1 có nơi cư trú tại thôn X, xã B, tỉnh Tuyên Quang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn: Việc anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị T1 bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Lời khai của anh chị phù hợp với nhau và phù hợp với xác nhận về tình trạng hôn nhân của anh chị tại Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang nơi anh chị cư trú.

[3] Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".

[4] Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1

Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

[5] Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Hoàng Văn T cần được xử bằng một bản án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị là có cơ sở.

[6] Về việc nuôi con chung: Thời gian chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Văn V, sinh ngày 06/11/1995 và cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 11/11/1997, hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và phát triển bình thường, anh T, chị T1 đều không đề cập giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 53, 57, của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị T1.

- **Về án phí:** Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, theo biên lai số 0000599, ngày 06/10/2025.

- **Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tòa án báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THAC DS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5 - Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 5 - Tuyên Quang;
- UBND xã Bằng Lang, tỉnh Tuyên Quang ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh

